

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG UÔNG BÍ**

Số: 267/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Uông Bí, ngày 19 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

**Công khai số liệu dự toán ngân sách phường và phân bổ ngân sách
phường năm 2026 trình HĐND phường**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

UBND phường thông báo công khai số liệu dự toán ngân sách phường và phân bổ ngân sách phường năm 2026 trình HĐND phường;

(Có biểu số liệu và thuyết minh kèm theo).

Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phần phường Uông Bí.

UBND phường Uông Bí Thông báo để các cơ quan, Phòng, ban, ngành, đơn vị được biết./.

Nơi nhận:

- TT cung ứng dịch vụ;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hòa

BÁO CÁO

Thuyết minh dự toán ngân sách phường năm 2026

(Kèm theo Thông báo số 267/TB-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường)

I. Chỉ đạo và nguyên tắc xây dựng dự toán NSNN

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; Nghị quyết số 320/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 phương án giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2026; Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và cơ chế, biện pháp điều hành năm 2026, trong đó:

- Nguồn thu NSNN: Tiền sử dụng đất, tiền thuê mặt đất, mặt nước được điều tiết về ngân sách Trung ương 20% theo quy định của Luật NSNN 2025; ngân sách địa phương (phường) được hưởng 80% (riêng tiền sử dụng đất do cấp huyện đầu tư hạ tầng (cũ) được điều tiết 40%); các sắc thu Thu ngoài quốc doanh (trừ thuế tài nguyên được hưởng 100%), thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thuế thu nhập cá nhân, điều tiết ngân sách Trung ương 49%, ngân sách địa phương 51%; các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%: lệ phí trước bạ, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, phí nước thải, lệ phí môn bài, phí và lệ phí do cấp xã thu (riêng phí bảo vệ môi trường từ khai thác khoáng sản điều tiết 50%), thu khác do cấp xã thu.

- Chi đầu tư phát triển: được xác định từ nguồn thu tiền sử dụng đất, vốn chám điểm, nguồn tăng thu ngân sách, khác...

- Chi thường xuyên: Bổ sung (mới) một số quy định nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định của Luật NSNN 2025 (có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2026);

- + Tiếp nhận nhiệm vụ chi chế độ, chính sách của đối tượng người có công từ Trung ương cấp về ngân sách địa phương theo Nghị định số 128/2025/NĐ-CP.

- + Tăng chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục và đào tạo để hỗ trợ học phí

theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, cải thiện đời sống, thu nhập cho giáo viên, người lao động, đáp ứng yêu cầu học 02 buổi/ngày.

+ Chi cho giáo dục, đào tạo; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo đúng quy định tại Điều 42 Luật Ngân sách năm 2015 và Điều 45 của Luật Ngân sách nhà nước 2025.

+ Giao định mức chi cho hợp đồng lao động thực hiện công tác phục vụ trong các cơ quan hành chính phường bằng mức tỉnh giao: theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ, dựa trên kết quả chi trả cho người lao động tại các cơ quan, đơn vị năm 2025 để bố trí dự toán trên cơ sở vị trí việc làm cụ thể của từng cơ quan, đơn vị; đối với hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện trong nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính; đồng thời, giao phòng Văn hóa - xã hội chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xác định số lượng hợp đồng cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế; trên cơ sở đó giao phòng Kinh tế, hạ tầng & đô thị cân đối ngân sách thực hiện.

+ Các nội dung khác về định mức phân bổ dự toán, giao dự toán chi thường xuyên thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. Dự toán NSNN năm 2026

1. Thu ngân sách nhà nước

Tổng số thu tỉnh giao: **2.475,542 tỷ đồng**, phường giao: **2.582,130 tỷ đồng** (do bổ sung có mục tiêu tăng thêm **106,588 tỷ đồng**, gồm: vốn chám điểm **84,639 tỷ đồng**; chế độ ưu đãi người có công với cách mạng **20,164 tỷ đồng**; biên chế giáo viên tăng thêm **1,785 tỷ đồng**), trong đó:

1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.421,177 tỷ đồng,

Số giao thu giữ nguyên so với dự toán tỉnh giao (tuy nhiên, so với dự toán năm 2025 tăng 13%, nếu loại trừ tiền sử dụng đất tăng 16,5%; tăng 3,4% so với ước thực hiện năm 2025, nếu loại trừ tiền sử dụng đất tăng 10%). Trong quá trình thực hiện, mức tăng cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn để phân đầu hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán tỉnh giao.

1.1.1. Chia theo sắc thuế

- Thu tiền sử dụng đất: **45 tỷ đồng**, bằng 44% dự toán năm 2025, bằng 25% ước thực hiện năm 2025 và bằng 100% dự toán Tỉnh dự kiến giao.

- Thu thuế phí: **2.376,177 tỷ đồng**, bằng 116,5% dự toán năm 2025, bằng 110% ước thực hiện năm 2025 và bằng 100% dự toán Tỉnh dự kiến giao. Trong đó:

+ Thu từ khối doanh nghiệp (gồm doanh nghiệp nhà nước trung ương, địa phương, có vốn đầu tư nước ngoài): **1.782,210 tỷ đồng**, bằng 112% ước thực hiện năm 2025, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2026.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh: **261,860 tỷ đồng**, bằng 104% ước thực hiện năm 2025, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2026.

+ Các loại thuế, phí còn lại: **332,107 tỷ đồng**, bằng 104% ước thực hiện năm 2025, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2026.

1.1.2. Chia theo đơn vị thu

- Tỉnh thu: 2.177,737 tỷ đồng, bằng 109% dự toán năm 2025, bằng 114% ước thực hiện năm 2025 (1.906,421 tỷ đồng), bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2025.

- Phường thu: 243,440 tỷ đồng, bằng 162% dự toán năm 2025, bằng 56% ước thực hiện năm 2025 (435,915 tỷ đồng), bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2026. Trong đó:

- Thu từ tiền sử dụng đất là 45 tỷ đồng, bằng 44% dự toán năm 2025, bằng 25% ước thực hiện năm 2025 và bằng 100% dự toán Tỉnh dự kiến giao.

- Thu từ thuế, phí là 198,440 tỷ đồng, bằng 383% dự toán năm 2025, bằng 78% ước thực hiện năm 2025, bằng 100% dự toán Tỉnh giao năm 2026.

1.2. Thu từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh hỗ trợ: 54,365 tỷ đồng.

1.3. Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 106,588 tỷ đồng.

1.4. Phân cấp nguồn thu ngân sách được hưởng

Tổng thu ngân sách địa phương:

Số tỉnh giao: **501,976 tỷ đồng**, số phường giao: **608,564 tỷ đồng (bổ sung có mục tiêu 106,588 tỷ đồng)**, trong đó:

Thu cân đối trên địa bàn **447,611 tỷ đồng** (thu tiền sử dụng đất 30 tỷ đồng, thu thuế phí: 417,611 tỷ đồng), tăng 416,289 tỷ đồng so với dự toán năm 2025 (riêng thuế, phí tăng 389,289 tỷ đồng); tăng 360,435 tỷ đồng so với ước thực hiện năm 2025 (riêng thuế, phí tăng 354,217 tỷ đồng).

2. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi NS địa phương năm 2026: **608,564 tỷ đồng** (chưa bao gồm một số nhiệm vụ chi tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu như kinh phí bầu cử, kinh phí quà tết theo Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND...); trong đó: chi đầu tư phát triển **186,829 tỷ đồng**, đạt tỷ trọng 31% trên tổng chi (trong đó vốn chám điểm **84,639 tỷ đồng**); chi thường xuyên **389,746 tỷ đồng**, trích dự phòng ngân sách **10,040 tỷ đồng**, bổ sung có mục tiêu chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, biên chế giáo viên tăng thêm: **21,949 tỷ đồng**.

2.1. Dự toán chi đầu tư phát triển

Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2026 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

(1) Phải thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2026;

Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế giải ngân vốn đến hết năm 2025 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao cho dự án.

Mức vốn bố trí cho từng dự án phải **phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2026**. Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải

và phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư trong kế hoạch tài chính và tiến độ triển khai thực hiện, giải ngân của từng dự án trong năm 2026.

Các dự án khởi công mới là các dự án thực sự cần thiết để phát triển kinh tế xã hội, chỉnh trang đô thị.

(2) Ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình, dự án phát triển hạ tầng quan trọng; Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2026.

Dự kiến nguồn vốn dành cho đầu tư năm 2026 của phường là **186,829 tỷ đồng** (chưa bao gồm tăng thu, kết dư ngân sách năm 2025), chiếm tỷ trọng 31% tổng chi ngân sách địa phương từ các nguồn như sau: Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 30 tỷ đồng; các khoản thuế, phí, thu khác... là 72,190 tỷ đồng, vốn chầm điểm 84,639 tỷ đồng. Đối với việc phân bổ các khoản tăng thu, kết dư năm 2025 chuyển sang năm 2026 sẽ thực hiện trình bổ sung chi tiết trong năm.

2.2. Dự toán chi thường xuyên

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2026 Tỉnh giao: 501,976 tỷ đồng, phường giao: 608,564 tỷ đồng (tăng 106,588 tỷ đồng kinh phí bổ sung có mục tiêu), bằng 257% dự toán Tỉnh giao năm 2025 (236,609 tỷ đồng), tăng 371,955 tỷ đồng; bằng 121% dự toán tỉnh giao.

Chi ngân sách địa phương được cân đối từ các nguồn: Nguồn thu NSDP được hưởng: 447,611 tỷ đồng; Nguồn thu BSCMT từ ngân sách tỉnh: 106,588 tỷ đồng; Nguồn cải cách tiền lương: 54,365 tỷ đồng (để cân đối phần tăng lương cơ sở trong thời kỳ ổn định ngân sách từ 1,49 lên 2,34 triệu đồng), trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 186,829 tỷ đồng, bằng 352% dự toán Tỉnh giao năm 2025 (53 tỷ đồng), tăng 133,829 tỷ đồng; bằng 100% dự toán tỉnh giao năm 2026.

2. Chi thường xuyên trong cân đối: 389,746 tỷ đồng, bằng 193% dự toán năm 2025 (201,586 tỷ đồng), tăng 188,160 tỷ đồng.

Một số nhiệm vụ phát sinh mới trong năm 2026:

- Tăng chi định mức chi hoạt động cho khối giáo dục từ 27 triệu đồng/biên chế lên 45 triệu đồng/biên chế (tăng 10,26 tỷ đồng);

- Bổ sung dự toán chi con người và hoạt động thường xuyên Trung tâm hành chính công phường từ tỉnh chuyển về;

- Chế độ của lực lượng tiểu đội dân quân thường trực; điều chỉnh mức chi hỗ trợ ngày công huy động dân quân theo Nghị quyết số 77/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh...

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: kinh phí chế độ pháp lệnh cho người có công; kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm theo quy định của Trung ương (1,785 tỷ đồng) ...

4. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 54,365 tỷ đồng (ngân sách tỉnh cấp).

Bố trí ngân sách đảm bảo nhu cầu chi theo hướng ưu tiên cho con người, đảm bảo an sinh xã hội; Phân bổ dự toán chi ngân sách cho lĩnh vực giáo dục - đào

tạo không thấp hơn dự toán tỉnh giao; đảm bảo nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; ưu tiên cho chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

Chi thường xuyên năm 2026 là 389,746 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 66% tổng chi ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

+ Chi KHCN, chuyển đổi số	2,294 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp giáo dục:	163,288 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp đào tạo:	12,543 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp y tế:	11,487 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp VHTT, TT, PTTT:	5,556 tỷ đồng
+ Chi đảm bảo xã hội:	42,868 tỷ đồng
+ Chi An ninh	8,834 tỷ đồng
+ Chi quốc phòng:	7,053 tỷ đồng
+ Chi quản lý hành chính:	59,592 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp kinh tế:	33,542 tỷ đồng
+ Chi sự nghiệp môi trường:	35,067 tỷ đồng
+ Chi khác:	7,622 tỷ đồng

* Về việc giao mức tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập: Căn cứ vào các Quyết định của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế, Quyết định của UBND phường về việc giao phương án tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập của phường, tiếp tục giao tự chủ một phần chi thường xuyên (nhóm 3) cho Trung tâm cung ứng dịch vụ phường, trường THCS Nguyễn Trãi, Trường THCS Trần Quốc Toản; 04 trường học còn lại và Trung tâm Chính trị là đơn vị tự chủ nhóm 4 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2.3. Dự toán chi dự phòng ngân sách

Chi dự phòng ngân sách năm 2026 là **10,040 tỷ đồng**.

2.4. Chi bổ sung từ ngân sách tỉnh 160,953 tỷ đồng, trong đó:

+ Bổ sung có mục tiêu: 106,588 tỷ đồng (Vốn chấm điểm 84,639 tỷ đồng; chế độ ưu đãi người có công với cách mạng 20,164 tỷ đồng; biên chế giáo viên tăng thêm 1,785 tỷ đồng).

+ Cải cách tiền lương 54,365 tỷ đồng.

(Có các biểu chi tiết kèm theo).

III. Cơ chế biện pháp điều hành ngân sách năm 2026

1. Kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025, tiếp tục kế thừa quy định thực hiện cơ chế, biện pháp điều hành dự toán ngân sách tại các Nghị quyết số 278/NQ-HĐND ngày 27/6/2025, Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Áp dụng quy định về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2026, trong đó:

- Thực hiện các giải pháp thu hiệu quả, hoàn thành cao nhất dự toán được Hội đồng nhân dân giao, trong điều hành phân đầu thu ngân sách nhà nước tăng ít nhất 6% so với thực hiện năm 2025, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương. Chống thất thu, chống trốn thuế, gian lận thương mại, đôn đốc thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 8% trên tổng thu nội địa; tập trung đẩy mạnh các khoản thu còn tiềm năng (thu từ giao khu vực biển; thu tiền thuê đất trả tiền hàng năm, thu phí, lệ phí,...);

- Điều hành ngân sách theo dự toán được giao, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an sinh xã hội và bổ sung vốn đầu tư phát triển. Các cơ quan, đơn vị, địa phương phân bổ, giao dự toán chi lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo không thấp hơn dự toán Tỉnh giao; bố trí đủ kinh phí cho nhiệm vụ quản lý đất đai. Đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí cho các đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao chất lượng dịch vụ công và giảm dần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công; hạn chế tối đa việc chuyển nguồn.

- Chỉ đạo triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định về thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Kinh phí thực hiện một số chính sách, chế độ mới được Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong năm do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo, được thực hiện bổ sung có mục tiêu cho các địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật NSNN năm 2025.

5. Phân bổ và giao dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo 03 lĩnh vực chi: khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo đúng mục lục ngân sách nhà nước quy định cho lĩnh vực này. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

6. Tiếp nhận, quản lý vận hành Trạm Y tế cấp xã đảm bảo chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm y tế cho người dân không bị gián đoạn theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Bộ Y tế tại Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025.

7. Thực hiện phân bổ chi tiết đối với các khoản dự toán chưa phân bổ chi tiết, dự toán do ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu trong năm và quyết định sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình, bảo đảm kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất.

IV. Tổ chức, quản lý điều hành ngân sách

1. Tổ chức điều hành thu ngân sách nhà nước

Xây dựng kịch bản thu, theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng khu vực thu, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu và dự báo thu hàng tháng, hàng quý. Xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả, các đơn vị có liên quan tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a) Thuế cơ sở 4: xây dựng kế hoạch thu chi tiết theo từng đơn vị, hàng tháng, quý, năm; có giải pháp hoàn thành dự toán cả về tiền sử dụng đất, thuế phí. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch thanh tra, kiểm tra tài chính, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch được giao... Giảm tỷ lệ nợ thuế trên tổng thu ngân sách, không để phát sinh nợ mới. Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng sắc thuế, tổng hợp báo cáo kịp thời kết quả thu và dự báo thu hàng tháng, hàng quý. Đồng thời, xác định cụ thể các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả.

b) Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị: phối hợp với Thuế cơ sở 4 và các đơn vị liên quan tham mưu tốt công tác thu ngân sách nhà nước, kịp thời báo cáo UBND thành phố có giải pháp điều hành thu ngân sách linh hoạt, chủ động. Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về công tác quản lý thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu mà Tỉnh, Hội đồng nhân dân thành phố giao.

Phối hợp cùng các phòng, ban liên quan trình giá đất, giá thuê đất (nếu có); hoàn chỉnh các thủ tục cho tổ chức, cá nhân nộp tiền sử dụng đất trong thời gian ngắn nhất tính từ khi có Quyết định nộp tiền. Phối hợp với các phòng, ban tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kịp thời, đảm bảo tiến độ. Thực hiện tốt chức năng tham mưu cho phường theo nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước

Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị, Kho bạc nhà nước tổ chức quản lý điều hành, kiểm soát chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm nguồn thu cân đối so với dự toán giao, đồng thời ngân sách phường không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì cần phải chủ động rà soát, sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình để sắp xếp, cắt giảm các nhiệm vụ chi hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án để đảm bảo cân đối theo dự toán đã giao.

Giao phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị rà soát, báo cáo UBND phường phương án điều chỉnh, điều hòa trình HĐND phường tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời

quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2026 nhưng chưa được bố trí đủ vốn. Hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn phân bổ chi đầu tư phát triển dự toán đầu năm, kế hoạch phân bổ chi thường xuyên (sự nghiệp) của các dự án chuyển tiếp trước ngày 30/9/2026 theo tiến độ thu. Đối với các dự án khởi công mới phải đầu hoàn thành việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu trước ngày 31/3/2026.

Trên đây là Báo cáo thuyết minh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương; cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2026 của UBND phường Ưông Bí trình HĐND phường Ưông Bí khóa I, kỳ họp thứ 05./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- MTTQ và các Đoàn thể phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND phường;
- Các đồng chí khu trưởng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hòa

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND phường; Kèm theo Thông báo số 267/TB-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường Uông Bí)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
	TỔNG SỐ THU	608.564	TỔNG SỐ CHI	608.564
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	61.408	I. Chi đầu tư phát triển	102.190
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	386.203	II. Chi thường xuyên	389.746
III	Thu bổ sung	106.588	III. Chi dự phòng	10.040
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách		IV. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	106.588
-	Thu bổ sung có mục tiêu	106.588		
IV	Thu nguồn CCTL NS tỉnh hỗ trợ	54.365		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND phường: Kèm theo Thông báo số 267/TB-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường Ưông Bì)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu	2.342.336	87.176	2.421.177	447.611	103,4	513,5
1	Thu từ DN nhà nước	1.580.128	-	1.767.970	69.514	111,9	
1.1	Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý	1.575.278	-	1.763.740	67.357	112,0	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.244		12.260		75,5	
	- Thuế tài nguyên	1.258.128		1.347.130	67.357	107,1	
	- Thuế giá trị gia tăng	300.906		404.350		134,4	
1.2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	4.850	-	4.230	2.157	87,2	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.000		2.640	1.346	88,0	
	- Thuế tài nguyên				-		
	- Thuế giá trị gia tăng	1.850		1.590	811	85,9	
2	Thu doanh nghiệp có vốn ĐTNN	11.880	-	14.240	7.262	119,9	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.200		13.320	6.793	118,9	
	- Thuế tài nguyên				-		
	- Thuế giá trị gia tăng	680		920	469	135,3	
3	Thu từ lĩnh vực ngoài quốc doanh	251.060	7.175	261.860	133.627	104,3	1862,4

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	115.130		104.080	53.081	90,4	
	- Thuế tài nguyên	140		160	160	114,3	
	- Thuế giá trị gia tăng	134.640	6.600,00	154.750	78.923	114,9	1195,8
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.150	575,00	2.870	1.464	249,6	254,6
4	Thuế thu nhập cá nhân	120.211	19.717,00	123.110	62.786	102,4	318,4
5	Thuế bảo vệ môi trường	297		300		101,0	
6	Lệ phí trước bạ	50.850	16.500,00	51.640	51.640	101,6	313,0
7	Thu phí, lệ phí	76.410	802	81.077	40.512	106,1	5051,4
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.200	5.200,00	2.790	2.790	53,7	53,7
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	45.300	12.900,00	60.600	48.480	133,8	
10	Thu tiền sử dụng đất	180.000	23.782,00	45.000	30.000	25,0	
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	9.000					
12	Thu khác ngân sách	12.000	1.100,00	12.590	1.000	104,9	90,9
13	Thu đất công hoa lợi						
14	Thu ngoài cân đối (đóng góp CSHT)						

Ghi chú: Số thu trên không bao gồm thu chuyển nguồn, kết dư và trợ cấp ngân sách cấp trên

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND phường: Kèm theo Thông báo số 267/TB-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường Uông Bí)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025				Dự toán năm 2026				So sánh (%)	
		Tổng số	ĐTP	Thường xuyên	Tổng số	ĐTP	Thường xuyên	Tổng số	ĐTP	Thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	
		212.965	3.000	209.965	501.976	102.190	399.786	236	3.406	190	
	Trong đó										
1	Chi giáo dục	87.571		87.571	177.881	2.050	175.831	203		201	
2	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ	480		480	2.294		2.294	478		478	
3	Chi y tế	5.492		5.492	11.487		11.487	209		209	
4	Chi văn hóa thông tin	6.659		6.659	5.656	100	5.556	85		83	
5	Chi thể dục, thể thao										
6	Chi phát thanh, truyền hình										
7	Chi bảo vệ môi trường	16.509		16.509	35.067		35.067	212		212	
8	Chi các hoạt động kinh tế	9.591	3000	6.591	133.582	100.040	33.542	1.393	3.335	509	
9	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	50.460		50.460	59.592		59.592	118		118	
10	Chi bảo đảm xã hội	18.536		18.536	42.868		42.868	231		231	
11	Chi khác	5.334		5.334	7.622		7.622	143		143	
12	Dự phòng ngân sách	8.379		8.379	10.040		10.040	120		120	

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND phường; Kèm theo Thông báo số 267/TB-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường Uông Bí)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025			KH năm 2026		
		Thu	Chi	Chênh lệch (+; -)	Thu	Chi	Chênh lệch (+; -)
	Tổng số				11.898	11.898	-
I	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài NS						
1	Quỹ vì người nghèo TP						
2	Quỹ PCTT	1.500	1.250	250	1.200	1.450	- 250
3	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	200	150	50	350	250	100
II	Các hoạt động sự nghiệp						
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề				7.193	7.193	-
1.1	Học phí				7.193	7.193	
	+ Khối mầm non				1.907	1.907	
	+ Khối Trung học cơ sở				5.286	5.286	
2	Sự nghiệp khác				4.705	4.705	
2.1	Trung tâm cung ứng dịch vụ				4.705	4.705	
	+ Dự án đầu tư				3.330	3.330	
	+ Khác (DVCL...)				450	450	
	+ Phí tham quan điểm du lịch Lừng Xanh				420	420	

	+ Phí thư viện				2	2	
	+ Phí kiểm soát giết mổ				193	193	
	+ Dịch vụ khác				180	180	
	+ Dịch vụ truyền thông				130	130	

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán trình HĐND phường, Kèm theo Thông báo số 267/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Uông Bí)

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị thanh toán đến 31/12/2025	Tổng số	Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của nhân dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
A	B		2		3	5	3	4	5	
	TỔNG CỘNG		381.039		53.000	53.000	186.829		186.829	
A	Dự án chuyển tiếp năm 2025		108.644		53.000	53.000	55.644		55.644	
I	Các dự án chỉnh trang, nâng cấp đô thị		108.144		52.800	52.800	55.344		55.344	
1	Thay thế và lắp đặt hệ thống đèn led trang trí tại một số khu vực trung tâm phường Uông Bí	2025-2026	13.000		4.500	4.500	8.500		8.500	
2	Nâng cấp, cải tạo ngõ 82 phố Phú Thanh, phường Uông Bí	2025-2026	1.584		1.400	1.400	184		184	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường gom Quốc lộ 18A đoạn từ khu đô thị Hoa Nhân đến khu đô thị Sao Vàng	2025-2026	2.141		1.600	1.600	541		541	
4	Nâng cấp, cải tạo đường, vỉa hè, rãnh thoát nước ngõ 01, 02 phố Trần Quang Khải, phường Uông Bí	2025-2026	4.500		3.000	3.000	1.500		1.500	
5	Chỉnh trang tuyến phố Hồ Xuân Hương, đoạn từ cầu sông Sinh 2 đến đập tràn Hồ công viên, phường Uông Bí	2025-2026	9.100		3.500	3.500	5.600		5.600	
6	Chỉnh trang tuyến phố Thương Mại, phường Uông Bí	2025-2026	9.900		4.000	4.000	5.900		5.900	
7	Đầu tư nâng cấp, cải tạo tuyến rãnh thoát nước ngõ 117 phố Bãi Dài, phường Uông Bí	2025-2026	5.500		2.500	2.500	3.000		3.000	
8	Xây dựng tuyến rãnh thoát nước qua đường Trần Phú đến hồ Công viên, phường Uông Bí	2025-2026	9.000		5.000	5.000	4.000		4.000	



STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị thanh toán đến 31/12/2025	Tổng số	Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của nhân dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
A	B		2		3	5	3	4	5	
9	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước tổ 24, 25 khu Phú Thanh Đông, phường Uông Bí	2025-2026	2.261		2.000	2.000	261		261	
10	Xử lý sạt lở mái ta luy đường Lừng Xanh, phường Uông Bí	2025-2026	7.000		3.500	3.500	3.500		3.500	
11	Xây dựng tuyến mương liên khu Thanh Sơn 4-5, phường Uông Bí	2025-2026	4.700		3.000	3.000	1.700		1.700	
12	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tổ 16, khu Bí Giàng, phường Uông Bí	2025-2026	3.408		2.000	2.000	1.408		1.408	
13	Nâng cấp đường, rãnh thoát nước ngõ 12a, phố Trần Nhật Duật, phường Uông Bí	2025-2026	1.400		1.200	1.200	200		200	
14	Nâng cấp đường, rãnh thoát nước ngõ 118a, phố Bãi Dài, phường Uông Bí	2025-2026	2.700		1.000	1.000	1.700		1.700	
15	Nâng cấp, cải tạo đường, rãnh thoát nước từ nhà văn hóa Thanh Sơn 7 đến khu đô thị Licogi	2025-2026	2.200		1.500	1.500	700		700	
16	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 64 phố Bãi Dài, phường Uông Bí	2025-2026	14.500		4.800	4.800	9.700		9.700	
17	Khu vui chơi thanh thiếu niên tại Quảng Trường trung tâm, phường Uông Bí	2025-2026	6.500		3.200	3.200	3.300		3.300	
18	Xây dựng khu vực thể dục thể thao ngoài trời tại các Khu dân cư trên địa bàn phường Uông Bí	2025-2026	2.200		1.300	1.300	900		900	
19	Sân vui chơi, vườn hoa cây xanh khu Quang Trung 7, phường Uông Bí	2025-2026	2.050		1.800	1.800	250		250	
20	Vườn hoa Hòa Bình, phường Uông Bí	2025-2026	4.500		2.000	2.000	2.500		2.500	
II	Chuẩn bị đầu tư năm 2025		500		200	200	300		300	
1	Chỉnh trang tuyến phố Trần Quang Khải phường Uông Bí	2025-2026	300		100	100	200		200	



STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị thanh toán đến 31/12/2025	Tổng số	Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của nhân dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
A	B		2		3	5	3	4	5	
2	Chỉnh trang tuyến phố Nguyễn Khuyến, phường Ưông Bí	2025-2026	200		100	100	100		100	
B	Dự án khởi công mới		250.395		0	0	121.785	0	121.785	
1	Cải tạo, chỉnh trang khu vực Quảng trường, Hồ công viên, phường Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh	2026-2027	19.898				10.000		10.000	
2	Chỉnh trang vườn hoa chéo Yên Thanh, phường Ưông Bí	2026-2027	4.500				2.300		2.300	
3	Chỉnh trang vườn hoa cầu Sông Sinh 1, phường Ưông Bí	2026-2027	1.500				1.000		1.000	
4	Chỉnh trang tuyến phố Hữu Nghị, phường Ưông Bí	2026-2027	19.900				11.000		11.000	
5	Chỉnh trang tuyến phố Việt Xô (đoạn từ quốc lộ 18A đến Nhà văn hóa khu Thanh Sơn 7), phường Ưông Bí	2026-2027	10.000				6.000		6.000	
6	Chỉnh trang tuyến phố Lý Thường Kiệt, phường Ưông Bí	2026-2027	19.900				11.000		11.000	
7	Chỉnh trang tuyến phố Hòa Bình (Đoạn phía Nam QL 18A), phường Ưông Bí	2026-2027	17.200				8.439		8.439	
8	Chỉnh trang tuyến phố Trần Quốc Toàn, phường Ưông Bí	2026-2027	19.900				8.000		8.000	
9	Chỉnh trang ngõ 39 phố Trần Nhân Tông phường Ưông Bí	2026-2027	8.500				4.500		4.500	
10	Chỉnh trang tuyến phố Nguyễn Khuyến, đường dạo kè sông Ưông, phường Ưông Bí	2026-2027	9.900				4.500		4.500	
11	Xây dựng cống thoát nước và đường bê tông khu Thanh Sơn 9 (Đoạn từ Ngõ 100 Bãi Dài đến Hồ Sông Sinh), phường Ưông Bí	2026-2027	19.000				5.546		5.546	
12	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông, rãnh thoát nước Ngõ 118B phố Bãi Dài, phường Ưông Bí	2026-2027	2.000				1.000		1.000	
13	Cải tạo sửa chữa Lầu bát giác tại Hồ công viên phường Ưông Bí	2026-2027	2.200				1.000		1.000	
14	Sửa chữa, cải tạo tuyến đường ngõ 180, đường Thanh Sơn, tổ 3, khu phố Thanh Sơn 4, phường Ưông Bí	2026-2027	7.700				3.500		3.500	



STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị thanh toán đến 31/12/2025	Tổng số	Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của nhân dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
A	B		2		3	5	3	4	5	
15	Nâng cấp Tuyến đường phố Phú Thanh Tây (đoạn từ ngã tư nhà văn hóa khu Phú Thanh Tây đến nhà thờ họ Nguyễn), phường Uông Bí	2026-2027	4.000				2.000		2.000	
16	Nâng cấp, sửa chữa tuyến mương nước sau trường tiểu học quang Trung đến ngã 3 khu phố Quang Trung 5A, phường Uông Bí	2026-2027	4.700				3.000		3.000	
17	Nâng cấp, sửa chữa tuyến mương nước ngõ 58 phố Đá Cồng, khu Quang Trung 4, phường Uông Bí	2026-2027	5.600				3.500		3.500	
18	Chỉnh trang tuyến phố Trần Quang Khải, phường Uông Bí	2026-2027	19.000				9.500		9.500	
19	Chỉnh trang tuyến phố Trần Nhật Duật, phường Uông Bí	2026-2027	19.997				10.000		10.000	
20	Nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước đoạn đường tổ 39A, 39B khu Quang Trung 11, phường Uông Bí	2026-2027	12.500				6.500		6.500	
21	Tuyến đường kết nối ngõ 57 Hoàng Quốc Việt, khu Thanh Sơn 3, Thanh Sơn 8, phường Uông Bí	2026-2027	9.500				5.500		5.500	
22	Khu Tái định cư HT1 khu Bí Giàng, phường Uông Bí	2026-2027	13.000				4.000		4.000	
C	Chương trình nhiệm vụ Quy hoạch, chuẩn bị đầu tư khác		22.000				9.400		9.400	
1	Điều chỉnh cục bộ các phân khu (I, H, K, C)	2026-2027	4.000				2.000		2.000	
2	Thực hiện các quy hoạch chi tiết 1/500	2026-2027	2.000				1.000		1.000	
3	Nâng cấp, mở rộng Trường THCS Nguyễn Trãi, phường Uông Bí	2026-2027	1.000				400		400	
4	Nâng cấp, mở rộng trường TH và THCS Uông Bí, phường Uông Bí	2026-2027	2.000				1.000		1.000	
5	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Thanh Sơn, phường Uông Bí (Trường TH Trần Hưng Đạo cũ)	2026-2027	1.000				500		500	
6	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Uông Bí (điểm trường mầm non Điền Công)	2026-2027	300				150		150	



STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị thanh toán đến 31/12/2025	Tổng số	Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của nhân dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
A	B		2		3	5	3	4	5	
7	Cải tạo không gian văn hóa làng Lạc Thanh gắn với Đình chùa Lạc Thanh	2026-2027	150				100		100	
8	Điện trang trí phố Trần Nhân Tông (đoạn từ vườn hoa Yên Thanh đến cầu Sông Sinh), phường Uông Bí	2026-2027	100				50		50	
9	Xây dựng công viên cây xanh khu đô thị Tân Thành	2026-2027	150				100		100	
10	Khu dân cư tái định cư tại khu Thanh Sơn 8, 10 phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;	2026-2027	2.000				850		850	
11	Mở rộng đường ngõ tổ 7, khu Quang Trung 2 (Đoạn từ nhà thi đấu người cao tuổi đến ngõ giao đường Phan Đình Phùng)	2026-2027	250				100		100	
12	Nâng cấp cải tạo đường tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy rừng và điểm du lịch cấp tỉnh Lũng Xanh - Bình Hương, phường Uông Bí	2026-2027	1.500				700		700	
13	Công viên sinh thái Lũng Xanh, phường Uông Bí	2026-2027	3.000				1.000		1.000	
14	Khu tái định cư khu Quang Trung 4 (Đối diện nhà 18 tầng), phường Uông Bí	2026-2027	200				100		100	
15	Khu tái định cư tại tổ 23B khu Phú Thanh Đông, tổ 28 khu Phú Thanh Tây, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	2026-2027	1.200				350		350	
16	Chỉnh trang phố Phan Đình Phùng, phường Uông Bí	2026-2027	1.200				350		350	
17	Chỉnh trang tuyến phố Trần Bình Trọng, phường Uông Bí	2026-2027	1.100				300		300	
18	Nâng cấp, mở rộng đường bê tông, rãnh thoát nước Ngõ 121 phố Nguyễn Trãi, phường Uông Bí	2026-2027	250				100		100	
19	Mở rộng nút giao nhà ông Lưu Văn Thắng khu phố Phú Thanh Đông, phường Uông Bí	2026-2027	500				200		200	
20	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước Khu Thanh Sơn 7 (Đoạn từ khu dân cư đến khu đô thị Cơ giới Thăng Long), phường Uông Bí	2026-2027	100				50		50	